

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 28/7/2025

“Tranh chấp ly hôn
và nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phi Long

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Phụng và ông Nguyễn Lam Điền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Ngọc Lương – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Y Rin Niê Kdăm – Kiểm sát viên.

Ngày 28/7/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 88/2025/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 5 năm 2025 về “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/6/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-DS ngày 07/7/2025 và Thông báo mở lại phiên tòa số 02/TB-TA ngày 14/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đắk Lắk, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1995.

Số CCCD: 066195017365.

Địa chỉ: Số 56, đường 20A, thôn 7, xã H (nay là phường T), tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đình N, sinh năm 1988.

Số CCCD: 241506273.

Địa chỉ: Thôn 5, xã C (nay là xã E), tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị H trình bày: Tôi (Nguyễn Thị H) và anh Nguyễn Đình N đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk) vào ngày 23/9/2014. Sau khi về chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc và có 01 (một) con chung. Tuy nhiên, đến năm 2023 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng sống không hợp nhau, không cùng quan điểm sống, không có sự tôn trọng với nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện nay chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Đình N sống ly thân và không quan tâm chăm sóc gì nhau. Vì vậy, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Nguyễn Đình N.

Về con chung: Quá trình chung sống tôi với anh Nguyễn Đình N có 01 (một) con chung: Cháu Nguyễn Thị Bích N, sinh ngày 07/8/2015.

Hiện nay cháu Nguyễn Thị Bích N đang sinh sống cùng với tôi nên tôi có nguyện vọng nhận nuôi cháu Nguyễn Thị Bích N đến khi cháu Nhi đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn anh Nguyễn Đình N: Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án số 88/TB-TLVA, ngày 07/5/2025; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 01/TB-TA, ngày 27/5/2025; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 02/TB-TA, ngày 09/6/2025 và Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ số 03/TB-TA, ngày 16/6/2025. Nhưng anh Nguyễn Đình N vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải.

Quá trình thu thập chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Đình N. Qua xác minh, đại diện chính quyền địa phương cung cấp thông tin: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Đình N đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương. Quá trình chung sống vợ chồng chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Đình N thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Hiện nay anh Nguyễn Đình N và chị Nguyễn Thị H đã sống ly thân.

- Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Đối với bị đơn anh Nguyễn Đình N vắng mặt là vi phạm về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Đình N.

Về con chung: Đề nghị giao cháu Nguyễn Thị Bích N, sinh ngày 07/8/2015 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu Nguyễn Thị H đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đắk Lắk xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Đình N cư trú tại thôn 5, xã C (nay là xã E), tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đắk Lắk thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đắk Lắk đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn anh Nguyễn Đình N. Tuy nhiên, bị đơn anh Nguyễn Đình N vắng mặt lần thứ hai. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đắk Lắk xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Đình N đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk) vào ngày 23/9/2014. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Đình N là hợp pháp.

Quá trình chung sống chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Đình N phát sinh nhiều mâu thuẫn và bất đồng quan điểm. Anh Nguyễn Đình N không quan tâm, chăm sóc cho gia đình. Hiện nay chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Đình N sống ly thân và không quan tâm, chăm sóc gì nhau. Căn cứ kết quả xác minh tại chính quyền địa phương cũng như ý kiến trình bày của đương sự có đủ cơ sở để xác định tình trạng hôn nhân chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Đình N đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung của vợ chồng không thể kéo dài. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Đình N.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Đình N có 01 (một) con chung: Cháu Nguyễn Thị Bích N, sinh ngày 07/8/2015.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/5/2025 (bút lục số 22) cháu Nguyễn Thị Bích N trình bày muốn được ở với chị Nguyễn Thị H.

Tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”.

Hội đồng xét xử xét thấy: Qua xác minh tại địa phương và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị H có nguyện vọng nhận nuôi cháu Nguyễn Thị Bích N. Vì vậy,

căn cứ khoản 2 Điều 81, khoản 1, khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Nguyễn Thị Bích N cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu Nguyễn Thị Bích N đủ 18 tuổi.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ và đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, khoản 4 Điều 147, Điều 203, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Đình N.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Bích N, sinh ngày 07/8/2015 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu Nguyễn Thị Bích N đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chia tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0006269 ngày 07 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 2 – Đắk Lắk).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Nguyễn

Đình N vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 2 – Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 2 – Đắk Lắk;
- UBND xã E, tỉnh Đắk Lắk;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

(Đã ký)

Nguyễn Phi Long

